TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2019
V/v: Yêu cầu ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Qúy Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thương.

2. Bà Huỳnh Thị Thuận.

- *Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai – Thư ký TAND huyện Đất Đỏ.*

- *Đại diện VKSND huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Tùng Lâm – kiểm sát viên.*

Ngày 30-5-2019, tại trụ sở TAND huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2019/TLST-HNGĐ ngày 09-4-2019 về tranh chấp "yêu cầu ly hôn" theo Qết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXX-ST ngày 03-5-2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Trần Thị Huỳnh N - sinh năm: 1995.

Địa chỉ: 8Ô2/11 khu phố A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Bị đơn:* ông Phạm Thanh Q - sinh năm: 1992.

Địa chỉ: tổ 30, ấp S, xã D, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Tất cả đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện ngày 05-4-2019 và quá trình tố tụng tại tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Huỳnh N trình bày: Bà N và ông Q chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, bà N và ông Q tự nguyện đến với

nhau không bị ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống cùng gia đình chồng tại ấp S, xã D, trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do xung đột gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm không tôn trọng lẫn nhau dẫn đến ly thân từ tháng 3 năm 2019 đến nay và trong thời gian ly thân vợ chồng có gặp nhau để hàn gắn nhưng không thành. Nay vì tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Q.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con tên Phạm Trần Tường V – sinh ngày 20-7-2015 hiện đang ở với ông Q từ lúc vợ chồng ly thân, nay ly hôn bà N xin trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: không có.

- *Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Thanh Q trình bày:* Ông Q thống nhất như lời trình bày của bà N về thời gian và điều kiện kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm thường xuyên tranh cãi, tính tình không hòa hợp, không tôn trọng nên vợ chồng không hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng không còn và bà N có yêu cầu ly hôn nên ông Q cũng đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con tên Phạm Trần Tường V – sinh ngày 20-7-2015, nay vợ chồng ly hôn ông Q xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà N cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng:

+ Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi tiến hành các hoạt động tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án và xác định đúng quan hệ tranh chấp của vụ án.

+ Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bà Trần Thị Huỳnh N và ông Phạm Văn Q chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã D, huyện Đ. Nay, bà N yêu cầu ly hôn với ông Q và tranh chấp về việc nuôi con nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông Q tại xã D, huyện Đất Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà Trần Thị Huỳnh N và ông Phạm Thanh Q chung sống với nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân này hợp pháp. Trong quá trình chung sống bà N nhận thấy mâu thuẫn gia đình đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn. Còn ông Q cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn được nên đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của bà N. HĐXX thấy rằng bà N và ông Q thống nhất được với nhau về việc ly hôn nên HĐXX công nhận bà N và ông Q thuận tình ly hôn theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: bà N và ông Q có 01 con chung tên Phạm Trần Tường V – sinh ngày 20-7-2015, hiện con đang ở với ông Q từ lúc vợ chồng ly thân nhưng cách nay (30-5-2019) khoảng 01 tuần thì cháu V về sống với bà N. Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng vì con còn nhỏ (gần 04 tuổi) đồng thời là con gái và đủ khả năng điều kiện để nuôi con. Còn ông Q cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà N cấp dưỡng vì từ lúc vợ chồng ly thân cháu V ở với ông Q và ông đủ khả năng điều kiện để nuôi con. Qua ý kiến của các bên đương sự, HĐXX thấy rằng, bà N và ông Q có 01 người con chung tên Phạm Trần Tường V – sinh ngày 20-7-2015 hiện đang ở với ông Q từ lúc vợ chồng ly thân (tháng 3 năm 2019) nhưng cách nay (30-5-2019) khoảng 01 tuần thì cháu V về sống với bà N. Nay nhận thấy cháu V là con gái và tuổi còn quá nhỏ nên phải để cho mẹ là bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, còn việc bà N không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện nên không xét đến. Đối với yêu cầu được nuôi con của ông Q thấy rằng, bản thân ông Q đi làm rơm cho người khác ít khi có ở nhà nên khả năng chăm sóc con nhỏ không chu đáo bằng bà N cho nên yêu cầu nuôi con của ông Q không có cơ sở để chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà N và ông Q xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: bà N phải chịu án phí theo quy định, ông Q không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 BLTTDS; các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Huỳnh N và ông Phạm Thanh Q.

2. Về nuôi con chung: Bà Trần Thị Huỳnh N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Trần Tường V, sinh ngày 20-7-2015. Ông Phạm Thanh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Q được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xét đến.

4. Về án phí: bà Trần Thị Huỳnh N phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST. nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 010717 ngày 09-4-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà N đã nộp đủ án phí. Ông Q không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BRVT.
- VKSND h Đất Đỏ.
- THA h Đất Đỏ.
- UBND xã D.
- Đương sự.
- Lưu Vphòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ.

(Đã ký)

Lê Qúy Cường